

**TÒA ÁN ND TP.BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **327/2024/HS-ST**

Ngày: 28-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Yên

2. Ông Hoàng Ngọc Vinh

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phan Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Tống Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 300/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Văn H**, sinh năm 1994 (tên gọi khác: Không), tại T; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 55, khu phố 4B, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nơi ở hiện nay: Như trên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Họ tên cha: Cao Văn K, sinh năm 1971; Họ tên mẹ: Lê Thị V, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 07/3/2024 đến ngày 28/3/2024, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 256/LB – ĐTTH ngày 25/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Từ ngày 28/3/2024 đến nay bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1959 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 31, Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 55 phút ngày 29/11/2023, bị cáo Cao Văn H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60Y1-8578 từ nhà của bị cáo đi quanh phường T,

thành phố B, tỉnh Đ tìm mua thuốc lá. Khi đến trước nhà ông Lê Ngọc Q tại địa chỉ tổ 31, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, bị cáo H nhìn thấy một cây mai cao 1,5m, tán rộng 1,1m, đường kính gốc 20cm trồng trong chậu nên nảy sinh ý định trộm cắp cây mai trên cát giấu để dành chơi tết. Bị cáo H dừng xe mô tô bước xuống nhấc cây mai ra khỏi chậu rồi đặt lên phía trước xe mô tô biển số 60Y1-8578 sau đó chở đến tiệm tạp hoá “H” thuộc ấp Ông H, xã T, huyện V, tỉnh Đ do anh Cao Văn T làm chủ để gửi cây mai. Bị cáo H nói cây mai này được bạn cho và gửi nhờ tại nhà anh T thì anh T đồng ý. Sau đó, bị cáo H về nhà.

Đến khoảng 07 giờ 15 phút, ngày 30/11/2023, ông Lê Ngọc Q phát hiện bị mất tài sản nên đến Công an phường Trảng Dài báo sự việc và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà xử lý theo thẩm quyền.

Đến ngày 21/12/2023, bị cáo H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 662/KL-HĐĐGTS ngày 25/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hoà kết luận: 01 cây mai bị chiếm đoạt trị giá **5.000.000đ** (Năm triệu đồng).

* Vật chứng vụ án

- 01 (một) cây mai cao 1,5m tán rộng nhất 1,1m, tán ngắn nhất 70cm, đường kính gốc 20cm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà thu hồi và trả cho ông Lê Ngọc Q;

- 01 (một) xe mô tô biển số 60Y1-8578, số khung RLCS5C6408Y036496 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản của bà Lê Thị V (mẹ ruột bị cáo H). Bà V không biết bị cáo H sử dụng xe trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà V;

- 01 (một) USB chứa video nội dung vụ án (lưu theo hồ sơ vụ án).

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Ngọc Q đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 308/CT-VKSBH ngày 24/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà truy tố bị cáo Cao Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Văn H mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù.

Bị cáo H không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại ông Lê Ngọc Q vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Q không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trên.

[3] Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Cao Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể, vào khoảng 22 giờ 55 phút, ngày 29/11/2023, tại trước nhà của ông Lê Ngọc Q thuộc tổ 31, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh D, bị cáo H có hành vi lấy trộm 01 cây mai có trị giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

[4] Lời khai nhận của bị cáo H phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai nhân chứng cùng các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố. Nhận thấy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú và được bị hại có đơn bãi nại, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo Cao Văn H có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy, không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo dưới sự quản lý của chính quyền địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sau này.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ông Lê Ngọc Q đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) cây mai cao 1,5m tán rộng nhất 1,1m, tán ngắn nhất 70cm, đường kính gốc 20cm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà thu hồi và trả cho ông Lê Ngọc Q là phù hợp;

- 01 (một) xe mô tô biển số 60Y1-8578, số khung RLCS5C6408Y036496 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản của bà Lê Thị V (mẹ ruột bị cáo H). Bà V không biết bị cáo H sử dụng xe trên làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà V là phù hợp;

- 01 (một) USB chứa video nội dung vụ án (lưu theo hồ sơ vụ án).

[10] Về án phí: Bị cáo H phải chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Cao Văn H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Cao Văn H**: 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Cao Văn H cho Ủy ban nhân dân phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Cao Văn H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Cao Văn H phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Cao Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Ngọc Q vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Biên Hòa;
- T.H.A Hình sự;
- Nhà tạm giữ - CA TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Diệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thảo